

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng  
theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;*

*Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO Chi cục Kiểm lâm và Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại cơ quan Chi cục Kiểm lâm (có danh mục tài liệu kèm theo).

**Điều 2.** Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm đọc hiểu và thi hành công việc theo đúng quy định của Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 46/QĐ-CCKL ngày 31/3/2020 của Chi cục Kiểm lâm, về việc ban hành tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

**Điều 4.** Ban Chỉ đạo ISO, Thư ký ISO, Trưởng phòng các phòng chuyên môn và công chức, lao động hợp đồng thuộc cơ quan Chi cục Kiểm lâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**

**DANH MỤC TÀI LIỆU HTQLCL CỦA CƠ QUAN CHI CỤC KIỂM LÂM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-CCKL, ngày /7/2022  
của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm)*

TT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU	KIỂM SOÁT
<b>I. THỦ TỤC, HƯỚNG DẪN THEO MÔ HÌNH HTQLCL</b>			
1	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHQLCL	Thư ký ISO
2	Chính sách chất lượng	CSCL	Thư ký ISO
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	Thư ký ISO
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01.MH	Thư ký ISO
5	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02.MH	Thư ký ISO
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03.MH	Thư ký ISO
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04.MH	Thư ký ISO
<b>II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC</b>			
1	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QT.01.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN
2	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	QT.02.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN
3	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	QT.03.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển rừng
4	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	QT.04.TTPC	Phòng Thanh tra- Pháp chế
5	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	QT.05.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển rừng
6	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	QT.06.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN
7	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	QT.07.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển

			rừng
8	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	QT.08.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển rừng
9	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	QT.09.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN
10	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	QT.10.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển rừng
11	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	QT.11.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển rừng
12	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế)	QT.12.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển rừng
13	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (trường hợp UBND tỉnh không bố trí đất để trồng rừng thay thế)	QT.13.SDPTR	Phòng Sử dụng và phát triển rừng
14	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	QT.14.QLBT	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và BTTN